

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25 /2024/ HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 05 -2024
V/v “ Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Hoàng Văn Hiệu và ông Nguyễn Bá Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 295/2023/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc “ Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐST- HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa giữa:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Vinh T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Hoàng Bá S, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Doãn Văn H, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 2, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Vinh T trình bày: Chị và anh Hoàng Bá S đăng ký kết hôn ngày 17/07/2013 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 (ba) tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống không đồng nhất không có tiếng nói chung nên đến năm 2014, vợ chồng anh, chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Bá S.

Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng anh, chị có 01(một) con chung là cháu là Nguyễn Việt A, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2014. Lý do trong giấy khai sinh số 49, quyển sổ 01/2015, khai sinh ngày 06/03/2015 của cháu Nguyễn Việt A mang họ Nguyễn và tại mục “ họ và tên cha” chị T để trống mà không viết tên anh S vào là vì quá trình mang thai và sinh con, anh S thờ ơ không hỏi han, chăm sóc con chung, một mình chị là người trực tiếp nuôi con, trải qua nhiều vất vả nên khi chị T đi đăng ký khai sinh cho con tại UBND xã Đ, huyện T, chị đã khai sinh cho cháu mang họ mẹ và không khai họ tên cha là anh Hoàng Bá S trong giấy khai sinh. Từ nhỏ đến nay cháu Việt A ở cùng với chị T, cháu ngoan ngoãn, khỏe mạnh và phát triển tốt. Ly hôn nguyên vọng của chị T mong muốn tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Việt A, chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời gian sống ly thân, chị T có 01 (một) người con riêng tên dự kiến khai sinh là Doãn Diệu Tú L, sinh ngày 06/9/2023. Theo kết quả xét nghiệm ADN thì anh Doãn Văn H có quan hệ huyết thống Cha- Con với Doãn Diệu Tú L. Chị khẳng định đây là con riêng của chị mà không phải là con chung của chị và anh S.

Về tài sản và phần nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn là anh Hoàng Bá S trình bày: Anh và chị T đăng ký kết hôn với nhau ngày 17/7/2013 tại UBND xã Đ. Quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 01 (một) năm thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến đầu năm 2015 chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng anh, chị sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh S xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị T ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 01 con chung tên cháu là Nguyễn Việt A, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2014. Lý do trong giấy khai sinh của cháu Việt A mang họ Nguyễn và không có họ và tên cha là anh Hoàng Bá S là vì: Sau khi sinh cháu Việt A tại bệnh viện thì cô T về nhà mẹ đẻ ở tại xã Đ, huyện T và tự ý đi làm giấy khai sinh tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Anh S khẳng định cháu Nguyễn Việt A là con chung của anh S và chị T. Ly hôn anh S có nguyện vọng được nuôi cháu Việt A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Anh S cũng đề nghị chị T đi đăng ký bổ sung giấy khai sinh, đổi lại họ Nguyễn trong giấy khai sinh của cháu Việt A mang họ Hoàng là họ của anh S và khai họ tên cha là Hoàng Bá S vào giấy khi sinh cho con chung.

Hiện nay chị T còn có 01 (một) con riêng, cháu tên là Doãn Diệu Tú L, sinh ngày 06/9/2023. Anh S khẳng định cháu Linh không phải là con chung của anh S và chị T.

Về tài sản: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị T xuất trình cho Tòa án kết quả xét nghiệm ADN kết luận: Anh Doãn Văn H có quan hệ huyết thống Cha – Con với Doãn Diệu Tú L với xác suất 99,9999% nên Tòa án xác định anh H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quá trình giải quyết vụ án anh H không có ý kiến gì, không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng

trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 luật hôn nhân và gia đình, đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Vinh T và anh Hoàng Bá S; Về con chung đề nghị áp dụng Điều 81; 82 và 83 luật hôn nhân gia đình, giao cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Việt A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T; Về tài sản: Anh chị không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Buộc chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. *Về tố tụng*: Đây là vụ án “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Hoàng Bá S cư trú trên địa bàn huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Vinh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 11/04/2024. Vì vậy căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Vinh T và anh Hoàng Bá S đăng ký kết hôn ngày 17/07/2013 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 46/2013. Như vậy việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Mục đích kết hôn của vợ chồng anh chị là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng bình đẳng, thương yêu, chung thủy và chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nhưng do tính tình vợ chồng anh chị không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, chưa thực sự yêu thương, chăm sóc và quan tâm đến nhau, nên cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc. Do không hòa giải được mâu thuẫn, nên chị T và anh S đã sống ly thân được gần 10 năm. Nay chị T và anh S đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh chị đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Vì vậy căn cứ vào Điều 55 luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Vinh T và anh Hoàng Bá S.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 01 (một) con chung với nhau là Nguyễn Việt A, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ly hôn anh S và chị T đều có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Việt A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên, nên Tòa án tiến hành xác minh về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp và điều kiện nuôi con của chị T và anh S. Tại buổi xác minh UBND xã Đ cho biết chị T

sinh sống tại địa phương từ đầu năm 2015 cho đến nay và có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị T và anh S UBND xã không biết, vì vợ chồng anh chị không có đơn trình bày, không yêu cầu các đoàn thể và chính quyền địa phương hòa giải. Vợ chồng anh, chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2014, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Chị T đi làm ăn 2 năm nay, có đưa cháu Việt A đi cùng, nên thỉnh thoảng mới về địa phương. Nay chị T làm đơn ly hôn anh S, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét nguyện vọng nuôi con chung của T và anh S thì thấy. Anh, chị đều có thu nhập, có sức khỏe như nhau, đều có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Việt A ở cùng chị T từ nhỏ cho đến nay, nguyện vọng của cháu xin được ở cùng mẹ. Vì vậy nhằm đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho cháu bé và ổn định về tâm lý, sức khỏe và học tập của cháu bé, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị Nguyễn Thị Vinh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Việt A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra chị T và anh S đều khẳng định, chị T còn có một người con riêng, tên dự kiến khai sinh là Doãn Diệu Tú L, sinh ngày 06/9/2023.

[4]. *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Vinh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Vinh T và anh Hoàng Bá S.

- *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị Vinh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 22/12/2014 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hoàng Bá S có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị T và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở.

Chị T và anh S có quyền đến cơ quan đăng ký hộ tịch để làm thủ tục cải chính thông tin hộ tịch cho cháu Nguyễn Việt A theo quy định của pháp luật.

Xác định chị T có một người con riêng, tên dự kiến khai sinh là Doãn Diệu Tú L, sinh ngày 06/9/2023.

- *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Vinh T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch. Số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2023/0002741 ngày 21 tháng 12 năm 2023 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp đủ.

- *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Có mặt bị đơn. Chị T và anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án. Anh S được nhận bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- UBND Đ
- Chi cục Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy